| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN BÌNH CHÁNH**<br>**THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** |

Bản án số: 62/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 16/5/2018
V/v tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH CHÁNH - TP. HỒ CHÍ MINH**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Ông **Nguyễn Trọng Hưng**.

*Các Hội thẩm nhân dân*:

1. Bà **Nguyễn Thị Nguyên.**

2. Bà **Trương Thị Kim Chọn.**

***- Thư ký phiên tòa:*** Bà **Lê Thị Kim Tuyền** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, thành phố Hồ Chí Minh.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh tham gia phiên tòa:*** Bà **Phan Mỹ Dung** - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 5 năm 2018 tại Phòng xử án của Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 933/2017/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 8 năm 2017 về việc "Tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 87/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 16 tháng 3 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 120/2018/QĐST-HNGĐ ngày 16 tháng 4 năm 2018 giữa các đương sự:

*1. Nguyên đơn:* Bà Vòng Nhộc C, sinh năm: 1973. (có đơn xin xét xử vắng mặt)

Nơi đăng ký HKTT: Khu 3, ấp Suối Râm, xã L, huyện C, tỉnh Đồng Nai.

Địa chỉ nơi cư trú: C4/43 đường Liên khu 4-5, ấp 3B, xã V, huyện Bình Chánh, thành phố Hồ Chí Minh.

*2. Bị đơn:* Ông Trần Văn C, sinh năm: 1971. (vắng mặt)

Nơi đăng ký HKTT: Khu 3, ấp Suối Râm, xã L, huyện C, tỉnh Đồng Nai.

Địa chỉ nơi cư trú: E3/87 ấp 5, xã Đ, huyện Bình Chánh, thành phố Hồ Chí Minh.

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

***Nguyên đơn Bà Vòng Nhộc C trình bày:*** Bà C và ông C bắt đầu chung sống với nhau từ năm 1995 do hai bên tự tìm hiểu, có tổ chức đám cưới và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện Đồng Phú, tỉnh Sông Bé (nay là Ủy ban nhân dân phường Tân Bình, thị xã Đ, tỉnh Bình Phước) vào ngày 04/4/1995. Thời gian đầu vợ chồng chung sống bình thường không phát sinh mâu thuẫn đến khi sinh đứa con thứ ba thì phát sinh mâu thuẫn.

Nguyên nhân là do ông C thường xuyên ăn nhậu, cờ bạc và đánh đập, hành hạ Bà C. Tình trạng này kéo dài ngày càng trầm trọng nên Bà C không thể tiếp tục chung sống với ông C được, do đó Bà C và ông C đã sống ly thân từ năm 2012 đến nay và không còn quan tâm lẫn nhau. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn được do mỗi người đã có cuộc sống riêng nên Bà C yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với Ông Trần Văn C.

Về con chung: Bà C và ông C chung sống với nhau có 03 (ba) con chung là chị Trần Thị Thu T, sinh năm: 1993; trẻ Trần Văn K (nam), sinh ngày 03/6/2001 và trẻ Trần Thị Thu T (nữ), sinh ngày 05/10/2002. Khi ly hôn, Bà C yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng trẻ K và trẻ T và Bà C không yêu cầu ông C cấp dưỡng nuôi con, riêng Trần Thị Thu T đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Bà C xác nhận không có.

Về nợ chung: Bà C xác nhận không có.

Bà C có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt.

Bị đơn Ông Trần Văn C vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án nên Tòa án không thể ghi nhận ý kiến của ông Cư.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Bà Vòng Nhộc C.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Bà Vòng Nhộc C nộp đơn xin ly hôn với Ông Trần Văn C tại Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Đồng Nai vào ngày 15/9/2016. Theo kết quả xác minh của Công an xã Đ, huyện Bình Chánh, thành phố Hồ Chí Minh thì Ông Trần Văn C có đăng ký tạm trú và thực tế cư trú tại địa chỉ E3/87 ấp 5, xã Đ, huyện Bình Chánh, thành phố Hồ Chí Minh từ ngày 29/9/2014 tới nay. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, thành phố Hồ Chí Minh. Do đó việc Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Đồng Nai chuyển vụ án đến Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, thành phố Hồ Chí Minh để giải quyết theo thẩm quyền là đúng quy định của pháp luật.

[2] Tòa án đã tiến hành tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng mời Ông Trần Văn C đến Tòa án để tham gia phiên tòa giải quyết vụ án nhưng ông Cvẫn vắng mặt và Bà Vòng Nhộc C thì có đơn xin xét xử vắng mặt. Do đó, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt Bà C và ông C theo quy định tại điểm a và điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Ông Trần Văn C đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn không đến Tòa án để giải quyết vụ án nên ông Cđã tự tước bỏ quyền được chứng minh của mình. Ông C phải chịu hậu quả của việc không chứng minh theo quy định tại Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ yêu cầu xin ly hôn, lời trình bày của Bà C và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án làm chứng cứ để xem xét giải quyết vụ án.

[3] Về quan hệ vợ chồng: Theo giấy chứng nhận kết hôn số 138, quyển số 04/1995 do Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện Đồng Phú, tỉnh Sông Bé (nay là phường Tân Bình, thị xã Đ, tỉnh Bình Phước) cấp ngày 04/4/1995 có cơ sở xác định quan hệ hôn nhân giữa Bà Vòng Nhộc C và Ông Trần Văn C là hôn nhân hợp pháp được quy định tại Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Bà C xác định tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên Bà C yêu cầu được ly hôn với ông C để mỗi người tạo dựng cuộc sống riêng.

Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu trên của Bà C hoàn toàn phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Bởi lẽ, theo lời trình bày của Bà C thì quan hệ vợ chồng của Bà C và ông Cđã phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do ông Cham mê cờ bạc, ông Ckhông chăm lo cho gia đình nên vợ chồng ngày càng lạnh nhạt, không ai quan tâm đến ai. Do vợ chồng không còn tiếng nói chung nên Bà C và ông Cđã sống ly thân từ năm 2012 đến nay. Điều này cho thấy tình trạng hôn nhân giữa Bà C và ông Clà trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được.

Tại công văn trả lời xác minh tình trạng hôn nhân số 643/UBND ngày 06/11/2017 của Ủy ban nhân dân xã L, huyện C, tỉnh Đồng Nai có nội dung: Trong quá trình chung sống tại địa phương Ông Trần Văn C và Bà Vòng Nhộc C có xảy ra mâu thuẫn nhưng không yêu cầu địa phương hòa giải, không xảy ra hành vi bạo lực gia đình. Về nguyên nhân thì địa phương không nắm rõ, tuy nhiên cách đây khoảng ba năm thì ông Cvà Bà C đã sống ly thân. Về con chung thì hiện nay do Bà C nuôi dưỡng tại thành phố Hồ Chí Minh và không rõ về điều kiện nuôi dưỡng.

Mặt khác, do ông Cđã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng để mời tham dự phiên hòa giải và tham dự phiên tòa nhưng ông Cvẫn vắng mặt không có lý do. Điều này thể hiện ông Ckhông có thiện chí để Tòa án tiến hành hòa giải để vợ chồng đoàn tụ. Do đó, Hội đồng xét xử nghĩ nên chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của Bà Vòng Nhộc C đối với Ông Trần Văn C.

[4] Về con chung: Bà Vòng Nhộc C xác nhận bà và Ông Trần Văn C có 03 (ba) con chung là chị Trần Thị Thu T, sinh năm: 1993; trẻ Trần Văn K (nam), sinh ngày 03/6/2001 và trẻ Trần Thị Thu T (nữ), sinh ngày 05/10/2002. Khi ly hôn, Bà C yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng trẻ K và trẻ T và Bà C không yêu cầu ông Ccấp dưỡng nuôi con, riêng chị Trần Thị Thu T đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014: "Vợ chồng thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ, quyền của mỗi bên sau khi ly hôn đối với con; trường hợp không thỏa thuận được thì Tòa án quyết định giao con cho một bên trực tiếp nuôi căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con; nếu con từ đủ 07 tuổi trở lên thì phải xem xét nguyện vọng của con".

Tòa án đã tiến hành ghi nhận ý kiến của trẻ K và trẻ T và hai trẻ có nguyện vọng được sống chung với Bà C

Theo Bà C thì hiện nay trẻ K và trẻ T đang sống cùng Bà C và Bà C có đủ điều kiện để chăm sóc, nuôi dưỡng trẻ K và trẻ T nên khi ly hôn Bà C yêu cầu được tiếp tục trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng trẻ K và trẻ T. Do ông Cđã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt và không chứng minh điều kiện, khả năng chăm sóc con chung nên Hội đồng xét

xử chỉ xem xét giải quyết vấn đề con chung theo yêu cầu của Bà C, nếu sau này các đương sự có tranh chấp sẽ được giải quyết trong một vụ án khác.

Đối với nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con khi ly hôn, do Bà C tự nguyện không yêu cầu ông Cthực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi trẻ K và trẻ T nên Hội đồng xét xử ghi nhận việc Bà C không yêu cầu ông Cthực hiện nghĩa cấp dưỡng nuôi con, nếu sau này các đương sự có sự tranh chấp về cấp dưỡng nuôi con sẽ được giải quyết trong một vụ án khác.

[5] Về tài sản chung: Do Bà C xác nhận không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết, nếu sau này các đương sự có tranh chấp sẽ được giải quyết trong một vụ án khác.

[6] Về nợ chung: Do Bà C xác nhận không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết, nếu sau này các đương sự có tranh chấp sẽ được giải quyết trong một vụ án khác.

[7] Về án phí: Bà Vòng Nhộc C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu xin ly hôn theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và Pháp lệnh số 10/2009/UBTVQH12 ngày 27/02/2009 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

*Vì các lẽ trên,*

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 91, 147, điểm a, b khoản 2 Điều 227 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 56, 57, 58, 81, 82, 83 và Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Pháp lệnh số 10/2009/UBTVQH12 ngày 27/02/2009 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

**Tuyên xử:**

1. Về quan hệ vợ chồng: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của Bà Vòng Nhộc C đối với Ông Trần Văn C.

Bà Vòng Nhộc C được ly hôn với Ông Trần Văn C. Giấy chứng nhận kết hôn số 138, quyển số 04/1995 do Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện Đồng Phú, tỉnh Sông Bé (nay là phường Tân Bình, thị xã Đ, tỉnh Bình Phước) cấp ngày 04/4/1995 không còn giá trị pháp lý.

2. Về con chung: Giao trẻ Trần Văn K; sinh ngày 03/6/2001, giới tính: nam và trẻ Trần Thị Thu T; sinh ngày 05/10/2002; giới tính: nữ cho Bà Vòng Nhộc C được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi trẻ K và trẻ T đối với Ông Trần Văn C. Riêng chị Trần Thị Thu T; sinh năm 1993 đã trưởng thành nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Ông Trần Văn C có quyền tới lui thăm nom chăm sóc con chung không ai có quyền ngăn cản. Vì lợi ích của con chung, khi cần thiết hai bên có quyền xin thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung: Bà Vòng Nhộc C xác nhận không có nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

4. Về nợ chung: Bà Vòng Nhộc C xác nhận không có nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

5. Về án phí: Bà Vòng Nhộc C chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu xin ly hôn, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) mà Bà C đã nộp theo biên lai thu số 003693 ngày 07/11/2016 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Đồng Nai. Bà C đã nộp đủ án phí.

6. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

7. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

***Nơi nhận:***
- TAND TP.HCM;
- VKSND huyện BC;
- Chi cục THADS huyện BC;
- UBND phường Tân Bình, thị xã Đ, tỉnh Bình Phước;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**Nguyễn Trọng Hưng**